

Số: KHHM-01/15h00/DBQG

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

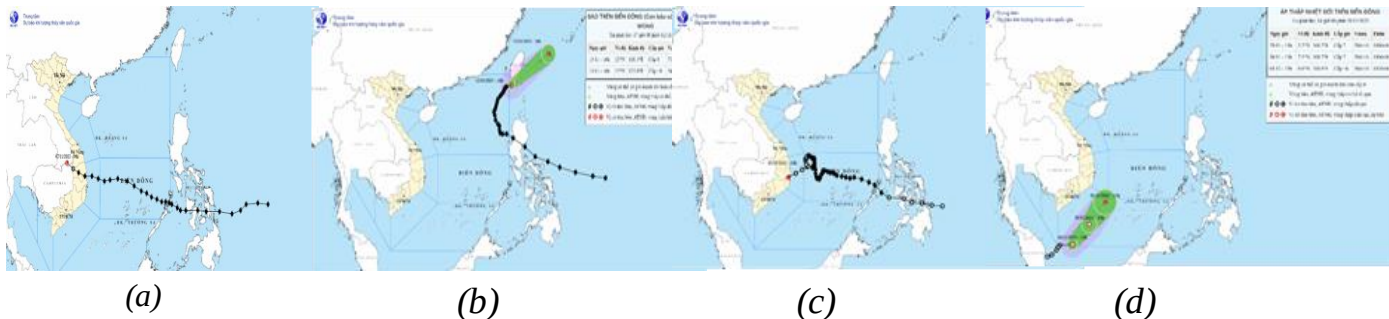
**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN MÙA
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC
(Từ tháng 02-7/2026)**

1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng nổi bật trong 02 tháng qua

a) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm:

+ *Dông, lốc, sét, mưa đá*: Trên phạm vi toàn quốc xảy ra một số trận dông, lốc, sét và mưa đá (*Bảng 1-Phụ lục*).

+ *Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)*: Từ tháng 11/2025 đến nửa đầu tháng 01/2026, trên khu vực Biển Đông đã xuất hiện 03 cơn bão và 01 ATNĐ (*Hình 1*); trong đó, có 01 cơn bão ảnh hưởng đến đất liền nước ta: Bão số 13 (KALMAEGI), diễn biến cụ thể của Bão/ATNĐ như sau:



Hình 1. Quỹ đạo của các cơn bão/ATNĐ: (a) Bão số 13 (KALMAEGI); (b) Bão số 14 (FUNG-WONG); (c) Bão số 15 (KOTO); (d) ATNĐ tháng 11.

- *Bão số 13 (KALMAEGI)*: Sáng sớm ngày 05/11, cơn bão KALMAEGI đi vào khu vực Giữa Biển Đông, trở thành cơn bão thứ 13 trên Biển Đông trong năm 2025, bão di chuyển khá nhanh theo hướng Tây Tây Bắc với cường độ cấp 13, giật cấp 16. Trong ngày 05/11, cường độ bão mạnh lên cấp 14, giật cấp 17 và di chuyển nhanh hơn với tốc độ 25-30km/h. Từ nửa đêm đến sáng ngày 06/11, bão di chuyển chủ yếu về hướng Tây, đến sáng cùng ngày cường độ bão mạnh lên cấp 15, giật trên cấp 17. Từ chiều ngày 06/11, bão chuyển hướng và di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc và cường độ giảm xuống cấp 14, giật cấp 16, tốc độ di chuyển nhanh khoảng 30km/h. Chiều tối cùng ngày bão di chuyển vào khu vực Quảng Ngãi-Gia Lai, cường độ giảm xuống cấp 12, giật cấp 14, sau đó bão đi sâu vào đất liền suy yếu dần thành ATNĐ, sau thành một vùng

áp thấp trên khu vực Hạ Lào và tan dần (*Hình 1a*).

- *Bão số 14 (FUNG-WONG)*: Sáng sớm ngày 10/11, cơn bão Fung-wong đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông và trở thành cơn bão số 14 trong năm 2025; hồi 04 giờ ngày 10/11, sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 13, giật cấp 16, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc, tốc độ khoảng 10-15km/h, sau đó bão số 14 đổi hướng di chuyển sang hướng Bắc Tây Bắc rồi Bắc Đông Bắc với tốc độ khoảng 10km/h và cường độ suy yếu dần. Đến chiều ngày 12/11, bão di chuyển ra ngoài Biển Đông theo hướng Đông Bắc và không ảnh hưởng đến thời tiết đất liền nước ta (*Hình 1b*).

- *Bão số 15 (KOTO)*: Đêm 25/11, bão KOTO đã đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Giữa Biển Đông và trở thành cơn bão số 15 trên Biển Đông trong năm 2025. Hồi 01 giờ ngày 26/11, vị trí tâm bão ở vào khoảng 11,8 độ Vĩ Bắc; 119,6 độ Kinh Đông, sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 8, giật cấp 10, di chuyển theo hướng Tây Bắc với tốc độ khoảng 20km/h. Sau đó bão thay đổi hướng di chuyển liên tục từ Tây Tây Bắc qua hướng Tây Nam rồi sang hướng Bắc với tốc độ di chuyển chậm dần. Từ tối ngày 29/11 đến ngày 01/12 hầu như ít dịch chuyển, từ chiều ngày 01/12 bão suy yếu thành ATNĐ. Sau đó ATNĐ di chuyển chậm theo hướng Tây Nam, đến tối 3/12, ATNĐ tiếp tục suy yếu thành áp thấp trên đất liền ven biển các tỉnh Đắk Lắk - Khánh Hòa (*Hình 1c*).

- *ATNĐ tháng 11*: Sáng ngày 29/11, áp thấp nhiệt đới ở phía Đông Malaysia đã đi vào vùng biển phía Tây Nam khu vực Nam Biển Đông, di chuyển chủ yếu theo hướng Bắc Đông Bắc với cường độ cấp 6-7, giật cấp 9. Đến chiều ngày 29/11 ATNĐ đã suy yếu thành một vùng áp thấp trên vùng biển phía Tây Nam khu vực Nam Biển Đông. Cơn ATNĐ này không ảnh hưởng đến thời tiết đất liền Việt Nam (*Hình 1d*).

+ *Nắng nóng (NN)*:

Trong thời kỳ từ tháng 11/2025 đến nửa đầu tháng 01/2026 NN chỉ xảy ra cục bộ tại miền Đông Nam Bộ, tuy nhiên cũng đã xuất hiện một số giá trị nhiệt độ cao nhất vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ. Các giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt GTLS cùng thời kỳ được thể hiện trong Phụ lục (*Bảng 2,3-Phụ lục*).

+ *Không khí lạnh (KKL)*: Từ tháng 11/2025 đến nửa đầu tháng 01/2026, đã xảy ra 8 đợt KKL (vào ngày 03/11, đêm 17/11, đêm 24/11, ngày 03/12, ngày 13/12, đêm 24/12, đêm 01/01 và ngày 05/01 (KKL tăng cường)). Trong đó, đợt KKL ngày 05/01 đã gây gió mạnh cấp 6, có lúc cấp 7, giật cấp 8 tại trạm Bạch

Long Vĩ và gây ra rét đậm, rét hại diện rộng cho khu vực Bắc Bộ từ ngày 06-09/01; nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 8,0-11,0°C, vùng núi từ 5,0-7,0°C, vùng núi cao có nơi dưới 4,0°C; sương muối, băng giá cũng xảy ra tại một số nơi vùng núi phía Bắc.

+ *Mưa diện rộng:*

Tại các tỉnh Bắc Bộ từ tháng 11/2025 đến nửa đầu tháng 01/2026 có 03 đợt mưa diện rộng vào các ngày: 08-10/11, 17-19/11 và 12-13/12/2025. Trong đó, đợt mưa từ ngày 08-10/11 do ảnh hưởng của rìa Tây Nam lưỡi áp cao lạnh lục địa tăng cường yếu lệch đông, kết hợp với gió Đông Nam, khu vực Bắc Bộ có mưa, mưa vừa, có nơi mưa to với tổng lượng mưa (TLM) phổ biến 30-80mm, có nơi cao hơn.

Tại Trung Bộ trong tháng 11/2025 có các đợt mưa diện rộng sau: 01-03/11, 06-07/11, 16-19/11 (phía Nam kéo dài đến ngày 25/11). Trong đó, đáng chú ý đợt mưa từ ngày 16-19/11 tại Hà Tĩnh đến Huế TLM phổ biến từ 100-350mm, riêng A Lưới (Tp Huế) đạt 829,2mm, tại khu vực từ vùng núi phía Nam thành phố Huế đến Khánh Hòa mưa kéo dài đến 25/11 với TLM ở phía Bắc phổ biến từ 300-700mm; phía Nam khu vực phổ biến 400-900mm, có nơi có hơn, đặc biệt tại Sơn Hòa (Đắk Lắk): 1069,3mm. Trong tháng 12/2025, khu vực Huế - Đà Nẵng và phía Đông của Quảng Ngãi đến Đắk Lắk, Khánh Hòa liên tục có mưa, riêng ngày 04-06/12 vùng mưa mở rộng ra phía Bắc, xuất hiện tại tỉnh Thanh Hóa đến Quảng Trị. Đáng lưu ý, từ ngày 03-04/12 do ảnh hưởng kết hợp của nhiễu động gió Đông nên tại các trạm phía Đông của Quảng Ngãi có tổng lượng mưa (TLM) từ 100-190mm. Nửa đầu tháng 01/2026, khu vực Hà Tĩnh-Đà Nẵng và phía Đông các tỉnh từ Quảng Ngãi-Đắk Lắk có mưa, mưa rào rải rác và có nơi có dông từ ngày 02-07/01.

Khu vực Nam Bộ có nhiều ngày có mưa dông diện rộng chủ yếu xảy ra trong tháng 11/2025, có ngày xảy ra mưa vừa đến mưa to, cục bộ có ngày mưa rất to.

Một số trạm ghi nhận được giá trị lượng mưa ngày, tổng lượng mưa tháng vượt GTLS cùng thời kỳ (*Bảng 4,5,6,7 - Phụ lục*).

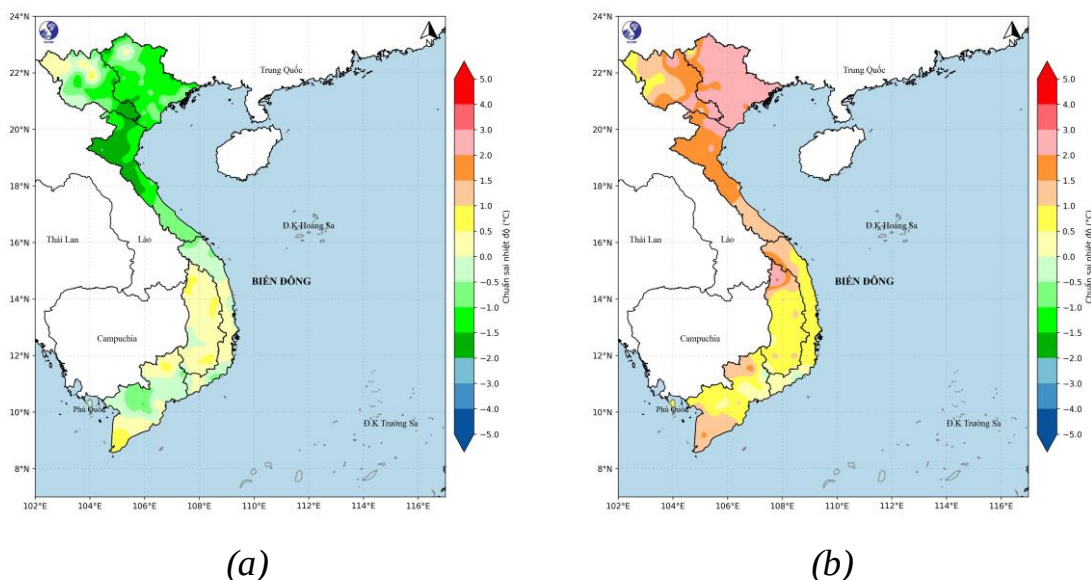
b) Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa

+ *Nhiệt độ trung bình (NĐTĐB):*

Tháng 11/2025, NĐTĐB khu vực phía Đông Bắc Bộ, Thanh Hóa đến Huế phổ biến thấp hơn từ 0,5-1,5°C, có nơi thấp hơn từ 1,5-2,0°C; các khu vực còn lại NĐTĐB ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng kỳ (*Hình 2a*).

Tháng 12/2025, NĐTĐB toàn quốc phổ biến cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) từ 0,5-1,0°C, đặc biệt, khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa đến Hà Tĩnh cao

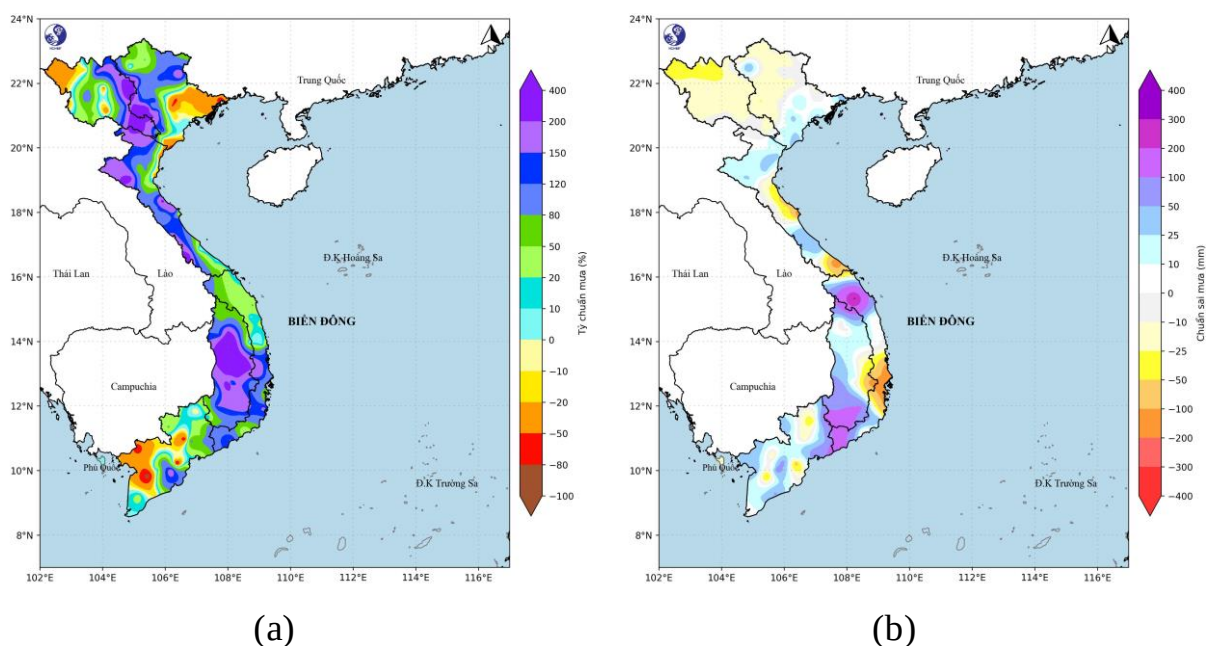
hơn từ 1,5-2,5⁰C, có nơi cao hơn (Hình 2b).



Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 11/2025; (b) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 12/2025.

Trong nửa đầu tháng 01/2026, NĐTB toàn quốc phổ biến thấp hơn từ 1,0–2,0⁰C so với TBNN, riêng khu vực Lai Châu-Điện Biên và miền Tây Nam Bộ xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.

+ Tổng lượng mưa (TLM):



Hình 3: (a) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 11/2025; (b) Chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 12/2025.

Tháng 11/2025, TLM tại một số nơi ở khu vực Tây Bắc Bộ, ven biển Bắc Bộ và Tây Nam Bộ phổ biến thiếu hụt từ 10-50% so với TBNN cùng thời kỳ, các khu vực khác trên cả nước TLM phổ biến cao hơn so với TBNN từ 30-80%,

riêng các tỉnh Lào Cai, Phú Thọ, Hà Tĩnh, Đắk Lắk đến Lâm Đồng và phía tây các tỉnh Thanh Hóa-Nghệ An, Gia Lai có TLM cao hơn từ 150-300% so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 3a*). Tháng 12/2025, TLM tại khu vực trung du, vùng núi phía Bắc và Khánh Hòa thấp hơn 10-50mm so với TBNN cùng thời kỳ, có nơi thấp hơn từ 100-150mm. Các khu vực còn lại trên cả nước phổ biến cao hơn từ 20-50mm so với TBNN, đặc biệt khu vực Quảng Ngãi và Lâm Đồng TLM cao hơn TBNN từ 80-150mm, có nơi cao hơn (*Hình 3b*).

Trong nửa đầu tháng 01/2026, TLM trên cả nước phổ biến thấp hơn từ 5-20mm so với TBNN cùng thời kỳ, riêng khu vực Nghệ An và Quảng Bình đến TP.Đà Nẵng cao hơn từ 10-30mm so với TBNN.

2. Dự báo khí hậu từ tháng 02-4/2026

2.1 Hiện tượng ENSO

Hiện tại, ENSO đang trong trạng thái La Nina yếu với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực trung tâm Thái Bình Dương (khu vực NINO3.4) trong tuần đầu tháng 01/2026 ở mức $-0,5^{\circ}\text{C}$. Dự báo, trong khoảng ba tháng tới, hiện tượng ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái trung tính với xác suất khoảng từ 75-85%, trong khi xác suất trong trạng thái La Nina giảm hơn các dự báo trước đó và chỉ còn ở mức trong khoảng từ 15-25%.

2.2. Dự báo xu thế nhiệt độ trung bình

Từ tháng 02-4/2026, NĐTĐ trên phạm vi toàn quốc phổ biến xấp xỉ so với TBNN, riêng khu vực Bắc Bộ, Thanh Hóa-Huế trong tháng 02-3/2026 và khu vực Đồng bằng Bắc Bộ trong tháng 4/2026 có NĐTĐ cao hơn từ $0,5-1,0^{\circ}\text{C}$ so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 4a, 5a, 6a*).

2.3. Dự báo xu thế lượng mưa

Từ tháng 02-4/2026, TLM trên cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ so TBNN (*Hình 4b, 5b, 6b*), cụ thể:

- Khu vực Bắc Bộ: Trong tháng 02/2026, TLM phổ biến từ 15-35mm; tháng 3/2026, TLM phổ biến từ 40-80mm; tháng 4/2026 TLM phổ biến từ 60-120mm, riêng khu vực Tây Bắc Bắc Bộ có nơi cao hơn.

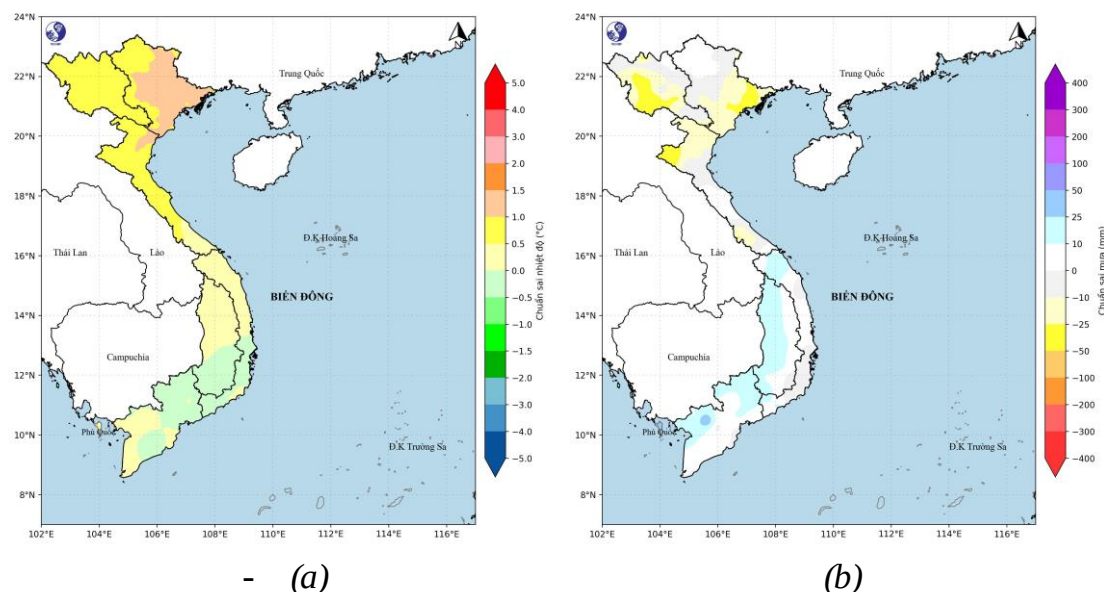
- Khu vực Trung Bộ:

- + Tháng 02/2026, TLM phổ biến từ 20-40mm; riêng khu vực từ Quảng Trị đến TP. Đà Nẵng và phía Đông Quảng Ngãi phổ biến từ 50-100mm, khu vực Cao nguyên Trung Bộ TLM phổ biến từ 10-20mm, riêng phía nam từ 30-50mm, có nơi cao hơn từ 5-20mm.

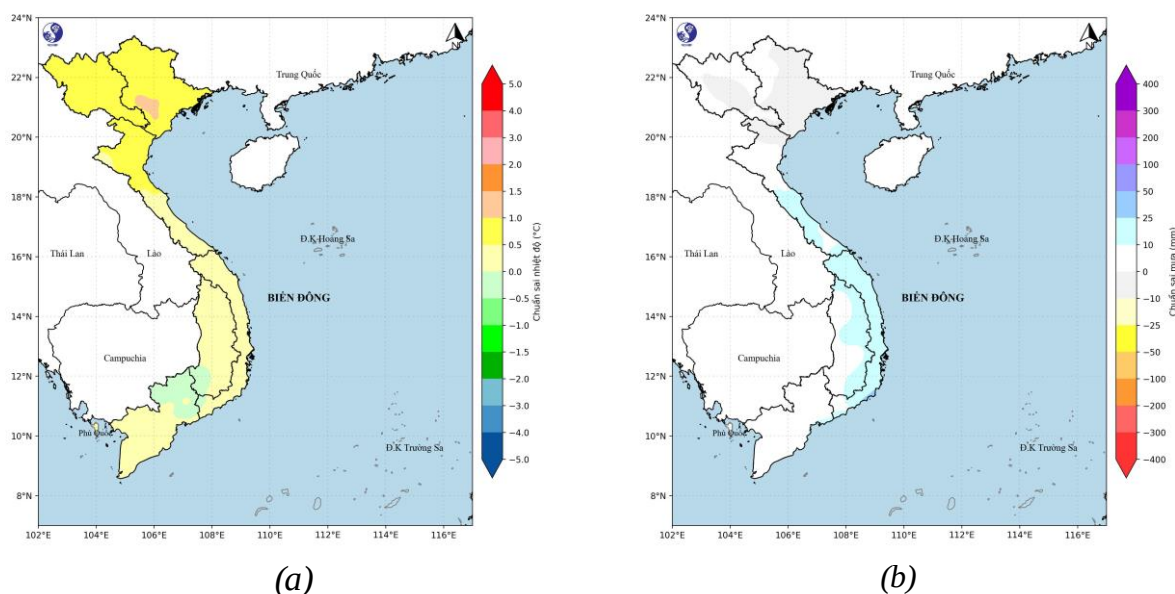
- + Tháng 3/2026, TLM phổ biến 30-70mm, phía Nam của khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Cao nguyên Trung Bộ phổ biến 70-120mm, có nơi cao hơn 150mm, cao hơn TBNN từ 20-60mm.

- + Tháng 4/2026, TLM phổ biến từ 40-90mm, có nơi trên 100mm.

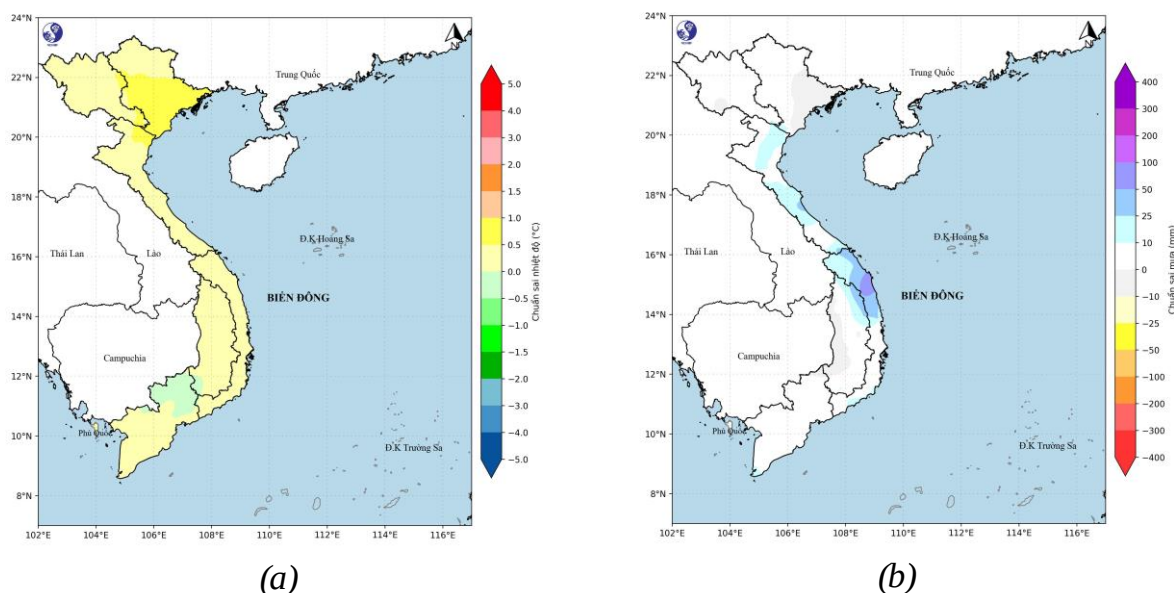
- Khu vực Nam Bộ:
- + Tháng 02/2026 TLM phổ biến từ 10-30mm, cao hơn TBNN từ 5-10mm, có nơi cao hơn.
- + Tháng 3/2026, TLM phổ biến 30-60mm, cao hơn TBNN từ 10-20mm.
- + Tháng 4/2026, TLM phổ biến từ 70-150mm (cao hơn so với TBNN từ 5-15mm).



Hình 4: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 02/2026;
(b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 02/2026.



Hình 5: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 3/2026;
(b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 3/2026.



Hình 6: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 4/2026;
(b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 4/2026.

2.4. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 02-4/2026, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ (trên) so với TBNN (TBNN trên Biển Đông: 0,5 cơn, đổ bộ vào đất liền: 0,0 cơn).

- *Không khí lạnh*: và *rét đậm, rét hại (RĐ, RH)*: KKL có khả năng hoạt động yếu hơn TBNN, tuy nhiên vẫn gây ra các đợt RĐ, RH (tập trung trong tháng 02/2026). Cần đề phòng khả năng xảy ra những đợt RĐ, RH với nhiệt độ thấp nhất giảm mạnh, đặc biệt các khu vực vùng núi phía Bắc và có thể kèm theo hiện tượng băng giá, mưa tuyết.

- *Mưa nhỏ, mưa phùn*: Hiện tượng mưa nhỏ, mưa phùn tại các tỉnh/thành phố tại miền Bắc tập trung trong khoảng nửa cuối tháng 02 và tháng 3/2026 (tương đương so với TBNN).

- *Mưa trái mùa*: Trong thời kỳ các tháng mùa khô đầu năm 2026, tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng xuất hiện mưa trái mùa.

- *Nắng nóng*: Ở khu vực Nam Bộ có khả năng xuất hiện nắng nóng từ khoảng cuối tháng 02 đầu tháng 3/2026 ở miền Đông Nam Bộ; sau đó có xu hướng gia tăng cường độ và mở rộng dần sang khu vực miền Tây Nam Bộ. Ở khu vực phía Tây Bắc Bộ có thể xuất hiện nắng nóng cục bộ từ tháng 3/2026. Khu vực Tây Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Huế có khả năng xuất hiện nắng nóng từ khoảng tháng 4/2026, sau đó mở rộng dần toàn khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ từ cuối tháng 4/2026.

- *Đông, lốc, sét, mưa đá*: Trên phạm vi cả nước có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh, đặc biệt trong các đợt gió mùa Đông Bắc ở các tỉnh miền Bắc.

2.5. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Gió mùa Đông Bắc gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông. Hiện tượng mưa lớn cục bộ và đông, lốc, sét, mưa đá, rét đậm, rét hại và băng giá có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng, cây trồng, vật nuôi.

Lưu vực sông Mê Công: Tháng 02/2026, TLM phổ biến xấp xỉ TBNN, riêng khu vực hạ lưu cao hơn 10-20% so với TBNN. Tháng 3/2026, TLM phổ biến cao hơn 5-20% so với TBNN; trong đó, khu vực hạ lưu cao hơn 15-30%. Tháng 4/2026, TLM tại khu vực thượng lưu và trung lưu cao hơn từ 5-20% so với TBNN, riêng khu vực hạ lưu cao hơn từ 15-35%.

Bảng 1: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từ tháng 02-4/2026

Khu vực dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Tháng 02/2026		Tháng 3/2026		Tháng 4/2026	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	17,5-18,5	15-30	20,5-21,5	40-80	23,0-24,0	60-120
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	19,0-20,0	20-40	21,0-22,0	40-80	24,5-25,5	60-120
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	15,5-16,5	20-40	18,0-19,0	40-80	22,0-23,0	50-100
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	18,5-19,5	20-40	20,5-21,5	40-80	24,0-25,0	50-100
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	17,5-18,5	15-30	19,5-20,5	40-80	23,0-24,0	50-100
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	18,5-19,5	15-30	20,5-21,5	40-80	24,0-25,0	50-100
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	18,5-19,5	20-40	21,0-22,0	40-80	24,0-25,0	60-120
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	21,0-22,0	50-100	22,5-23,5	40-80	25,5-26,5	40-80
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	<15	24,0-25,0	40-80	25,5-26,5	90-130
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	20-50	25,5-26,5	40-80	27,5-28,5	40-80

Khu vực dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng- Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Tháng 02/2026		Tháng 3/2026		Tháng 4/2026	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	15-30	25,5-26,5	40-80	27,5-28,5	40-80
Buôn Ma Thuật- Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	<15	24,0-25,0	40-80	26,0-27,0	60-120
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	26,5-27,5	10-25	27,5-28,5	20-50	29,0-30,0	60-120
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	26,0-27,0	10-25	27,0-28,0	30-70	28,0-29,0	20-120

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %).
- Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới (Bảng 9-Phụ lục).

3. Xu thế khí hậu từ tháng 5-7/2026

3.1. Hiện tượng ENSO:

Từ tháng 5-7/2026, ENSO có khả năng duy trì trạng thái trung tính với xác suất trong khoảng từ 55-65%, xác suất chuyển sang trạng thái El Nino có xu hướng tăng dần và trong khoảng từ 35-45%, xác suất chuyển sang trạng thái La Nina ở mức rất thấp.

3.2. Dự báo xu thế nhiệt độ trung bình

Từ tháng 5-7/2026, NĐTĐ trên phạm vi toàn quốc phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

3.3. Dự báo xu thế lượng mưa

Từ tháng 5-7/2026, TLM trên cả nước phổ biến xấp xỉ so với TBNN; riêng khu vực duyên hải Nam Trung Bộ có TLM thấp hơn 5-15% so với TBNN, cụ thể:

+ Khu vực Bắc Bộ: TLM tháng 5/2026 phổ biến 100-200mm, riêng vùng núi có nơi cao hơn. TLM tháng 6/2026 phổ biến 200-300mm, có nơi trên 400mm. TLM tháng 7/2025 phổ biến 250-350mm, có nơi trên 450mm.

+ Khu vực Trung Bộ: TLM tháng 5 và tháng 6/2026 tại Thanh Hóa-Huế phổ biến từ 100-250mm/tháng, có nơi cao hơn; khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ phổ biến từ 60-120mm/tháng, có nơi cao hơn. Tháng 7/2026, TLM phổ biến từ 150-300mm, có nơi trên 400mm.

+ Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ: TLM tháng 5 và tháng 6/2026 phổ biến từ 150-250mm/tháng. TLM tháng 7/2025 phổ biến 200-400mm, có nơi cao hơn.

+ *Lưu vực sông Mê Kông*: Tháng 5/2026, TLM tại khu vực thượng lưu và trung lưu cao hơn từ 5-20% so với TBNN. Tháng 6 và tháng 7/2026, TLM tại các khu vực phổ biến cao hơn 5-15% so với TBNN.

3.4. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 5-7/2026, hoạt động của bão/ATNĐ trên Biển Đông và đổ bộ vào đất liền nước ta ở mức tương đương so với TBNN (TBNN trên Biển Đông: 3,3 cơn, đổ bộ vào đất liền: 1,2 cơn).

- *Không khí lạnh*: Trong thời kỳ dự báo KKL hoạt động suy giảm về tần suất và cường độ, có thể kết hợp với các hình thái thời tiết khác gây mưa cho khu vực phía Bắc nước ta (tập trung trong tháng 5 và tháng 6/2026).

- *Nắng nóng*: NN tại Nam Bộ thu hẹp, tập trung trong nửa đầu tháng 5/2026. Khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ NN mở rộng và gia tăng về cường độ.

- *Mưa vừa, mưa to*: Các đợt mưa vừa, mưa to có khả năng xuất hiện ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ trong thời kỳ dự báo.

- *Dông, lốc, sét, mưa đá*: Khả năng gia tăng trên cả nước.

3.5. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Gió mùa Tây Nam và bão/ATNĐ có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông. Hiện tượng nắng nóng, mưa lớn và dông, lốc, sét, mưa đá... đặc biệt trong thời kỳ chuyển mùa có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất, sức khỏe cộng đồng, cây trồng và vật nuôi.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan như mưa lớn trong thời gian ngắn, lũ quét, sạt lở đất... Do đó, đề nghị thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp, đặc biệt là phương án vận hành hồ chứa phù hợp, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du, cùng với đó đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: Trước 15h00 ngày 15/02/2026.

Tin phát lúc: 15h00 ngày 15/01/2026./.

Soát tin: Trịnh Thùy Nguyên

**TUQ. GIÁM ĐỐC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG DỰ BÁO KHÍ HẬU**



Trần Thị Chúc

PHỤ LỤC

Bảng 1. Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ từ tháng 11/2025-nửa đầu tháng 01/2026

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Lốc xoáy	Xã Thới Bình, tỉnh Cà Mau	01 giờ ngày 14/11/2025
Lốc xoáy	Xã Chiên Đàn, TP. Đà Nẵng	22h30 ngày 16/11/2025
Lốc xoáy	Phường Quảng Phú, Tp. Đà Nẵng	17/12/2025

Bảng 2: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong tháng 11/2025 đạt và vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 11	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Hoài Nhơn (Gia Lai)	32.9	2012	33.5	07/11/2025
Tây Ninh	35.5	2022,2023	35.7	24/11/2025

Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong tháng 12/2025 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Lào Cai	30,5	2018	30,5	13/12/2025
2	Móng Cái (Quảng Ninh)	28,3	2018	28,6	15/12/2025
3	An Nhơn (Gia Lai)	30,8	2023	31,6	02/12/2025
4	Tuy Hòa (Đắk Lắk)	31,3	2023	31,5	01/12/2025
5	Tây Ninh	36,0	2012, 2023	36,5	27/12/2025
6	Ba Tri (Vĩnh Long)	33,2	2014	33,5	01/12/2025

Bảng 4: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất trong tháng 11/2025 vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 11	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Phan Thiết (Lâm Đồng)	78.0	2007	83.4	07/11/2025
Khe Sanh (Quảng Trị)	238.7	2016	307.6	17/11/2025
Phố Ràng (Lào Cai)	22.3	2022	37.6	18/11/2025
Quy Nhơn (Gia Lai)	293.2	1981	380.6	19/11/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 11	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Sơn Hòa (Đắk Lắk)	463.2	2008	601.2	19/11/2025
EaHleo (Đắk Lắk)	128.3	2020	174.3	19/11/2025

Bảng 5: Tổng lượng mưa tháng (mm) vượt GTLS tháng 11/2025

STT	Trạm	Tổng lượng mưa cao nhất tháng 11	Năm xuất hiện	Tổng lượng mưa tháng 11/2025 vượt GTLS
1	Lào Cai	67.3	2022	132.9
2	Phổ Ràng (Lào Cai)	54.5	2022	111.6
3	Khe Sanh (Quảng Trị)	571.9	1999	709.9
4	Sơn Hòa (Đắk Lắk)	987.7	2010	1312.4
5	Cam Ranh (Khánh Hòa)	751.2	2018	886.3
6	Phan Thiết (Lâm Đồng)	174.0	2007	205.8
7	Ayunpa(Cheo Reo) (Gia Lai)	366.7	2007	469.4
8	EaHleo (Đắk Lắk)	282.2	2017	379.5

Bảng 6: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất trong tháng 12/2025 vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	38,1	2012	46,1	13/12/2025
2	Móng Cái (Quảng Ninh)	28,6	2002	52,5	23/12/2025
3	Đăk Mil (Lâm Đồng)	66,3	2000	71,8	03/12/2025
4	Đà Lạt (Lâm Đồng)	83,0	1964	111,0	04/12/2025
5	Cát Tiên (Lâm Đồng)	53,5	2016	84,9	04/12/2025

Bảng 7: Tổng lượng mưa tháng (mm) vượt GTLS tháng 12/2025

ST T	Trạm	TLM tháng 12 lịch sử (mm)	Năm xuất hiện	TLM tháng 12/2025 (mm)	TLM tháng cao nhất năm (mm)	Tháng- năm xuất hiện
1	Cát Tiên (Lâm Đồng)	183,8	2016	211,7	935,1	T7/2014

Bảng 8: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (là tỉnh Hòa Bình cũ).
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tp. Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ).
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp. Huế.
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
6	Khu vực Nam Bộ	Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau.